

CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

(Ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hướng Dương 2

1.2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Số 87, đường số 9, KDC Phong Phú 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62718266 -(028) 62718269

Email: mnhuongduong2.bc@hcm.edu.vn

Website: <https://mnhuongduong2binhchanh.hcm.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con em trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Hướng Dương 2, huyện Bình Chánh tọa lạc tại Khu dân cư Phong Phú 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh. Trường được thành lập theo Quyết định số 6298/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh với tổng diện tích đất là 5.027m², diện tích sàn xây dựng là 1989,75m², diện tích phòng học là 1.394,4m² và diện tích sân chơi là 1.513,85m². Trường được xây dựng kiên cố gồm 01 trệt, 01 lầu, với 16 phòng học và 09 phòng chức năng, có đủ ánh sáng, thoáng mát, sạch, được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi phù hợp lứa tuổi đáp ứng cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Nhà trường có số lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định, trong đó trên chuẩn là 87.5% (28/32 giáo viên).

Trường có Chi bộ độc lập gồm 25 đảng viên, giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Công đoàn luôn là cánh tay đắc lực, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năng động tham gia tốt các phong trào tại trường và địa phương. Ban đại diện Cha mẹ trẻ em tích cực hỗ trợ trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học.

Trong quá trình hoạt động, nhà trường đã đạt được những thành tích như: từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trường được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”. Năm học 2017-2018, 2019-2020 đạt “Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố”, “Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo”. Năm học 2020-2021 đạt “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố”. Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó năm 2016, 2017, 2019, 2020, 2022 đạt Chi bộ “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, năm 2020 đạt Chi bộ “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” cấp xã.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Hướng Dương 2 luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Dương Thị Uyên Thi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hướng Dương 2, số 87, đường số 9, KDC Phong Phú 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0902.62.42.67

Email: dtuthi.mnhuongduong2.bc@hcm.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường, cho phép hoạt động giáo dục:

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 6298/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Quyết định số 1452/QĐ- GDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Phòng GD&ĐT huyện Bình Chánh về cấp phép hoạt động giáo dục đối với Trường Mầm non Hướng Dương 2, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về Quyết định công nhận Hội đồng trường của Trường Mầm non Hướng Dương 2 nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

1. Bà Dương Thị Uyên Thi - Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng.
2. Bà Đoàn Hồng Loan - Giáo viên – Chủ tịch Công đoàn.
3. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh – Phó chủ tịch UBND xã Phong Phú.
4. Bà Nguyễn Thị Thúy Diễm - Giáo viên – Bí thư Chi đoàn.
5. Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Tổ trưởng khối Lá.
6. Bà Hà Thị Xuân An - Tổ trưởng khối Chồi.
7. Bà Trần Thị Thu Chi – Tổ trưởng khối Nhà trẻ.
8. Bà Đỗ Ngọc Hưng - Tổ trưởng tổ Văn phòng – Thư ký
9. Ông Nguyễn Văn Tứ - Trưởng ban Đại diện cha mẹ học sinh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Quyết định số: 5621/QĐ-GDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Bình Chánh về bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường MN Hướng Dương 2;

Phó hiệu trưởng: Quyết định số: 5622/QĐ-GDĐT của UBND huyện Bình Chánh huyện Bình Chánh ký ngày 04 tháng 8 năm 2021 về bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng Trường MN Hướng Dương 2.

Phó hiệu trưởng: Quyết định số: 5623/QĐ-GDĐT của UBND huyện Bình Chánh huyện Bình Chánh ký ngày 04 tháng 8 năm 2021 về bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng Trường MN Hướng Dương 2

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Nhà trường ban hành Quyết định số 406/QĐ-MNHD2 ngày 23 tháng 9 năm 2024 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường MN Hướng Dương 2.

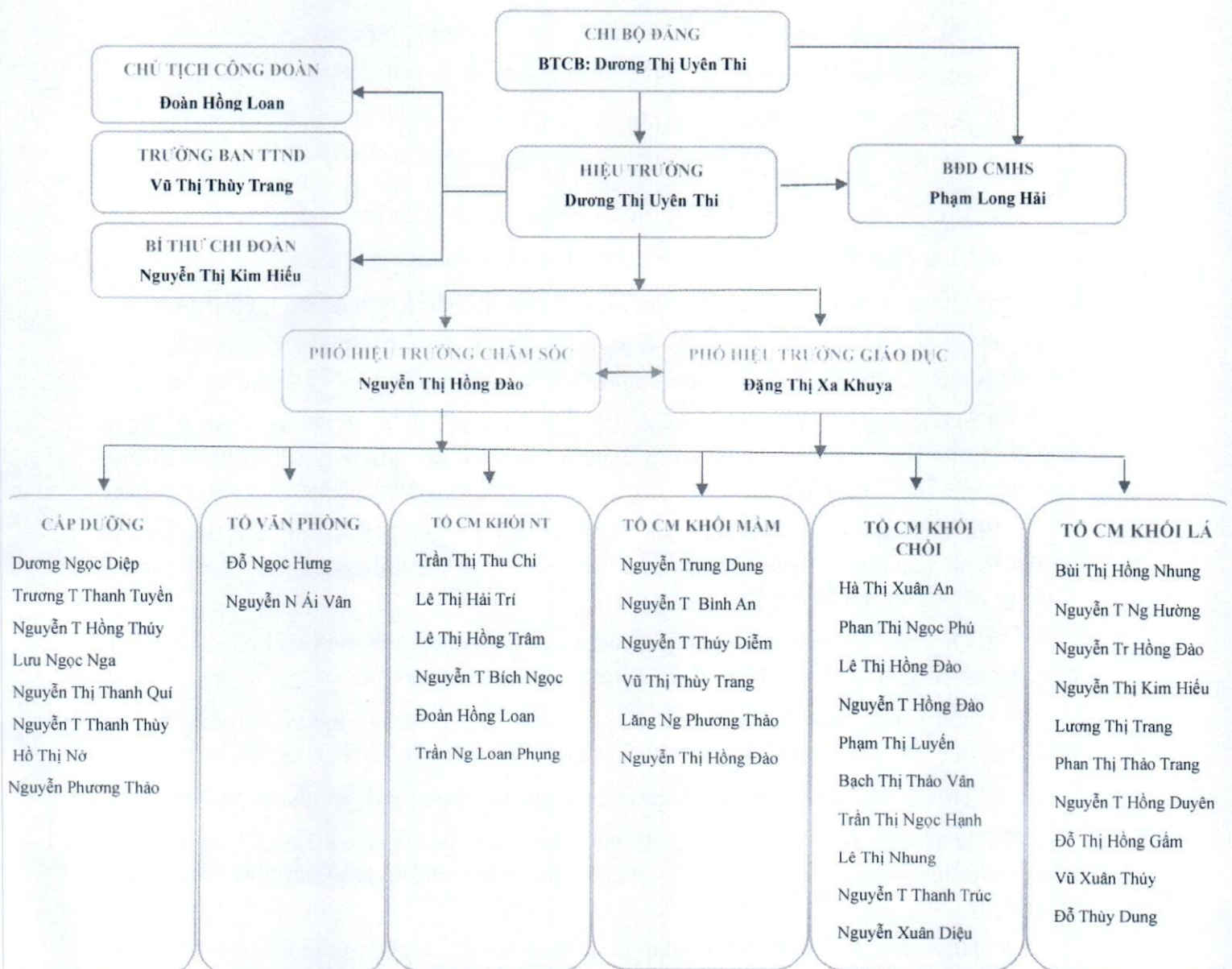
- Trường Mầm non Hướng Dương 2 có những chức năng và nhiệm vụ sau đây:

+ Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 13 tháng tuổi đến 6 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- + Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo qui định của pháp luật.
- + Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.
- + Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
- + Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.
- + Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo qui định.
- + Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường:



II. Thu, chi tài chính:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Nội dung	Thu năm học 2024-2025
Nguồn 12	2.149.144.070
Nguồn 13	6.181.603.667
Nguồn 14	3.112.989.793
Nguồn 18	155.844.000
Học phí	502.950.000
Anh văn	247.120.000
Nhịp điệu	185.135.000
Vẽ	185.135.000
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.788.451.000
Tiền công nhân viên nuôi dưỡng	552.344.000
Phục vụ ăn sáng	509.322.000
Nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	369.470.000
Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh	17.450.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	370.000
Tiền tổ chức thực hiện Đề án trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”	444.840.000
Tiền ăn sáng	1.114.339.766
Ăn trưa	3.285.139.024
Nước uống	101.741.189
Học phẩm	35.939.977

Học cụ - Học liệu	112.426.300
Khám sức khỏe	11.960.000
Quỹ phát triển sự nghiệp	119.752.193
Quỹ bổ sung thu nhập	469.826.854
Quỹ khen thưởng	59.260.148
Quỹ phúc lợi	212.560.881
CCTL	442.820.695

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên, ...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị...); chi hỗ trợ người học; chi khác.

*** Chi nguồn ngân sách:**

Nội dung	Năm học 2024-2025
Lương theo ngạch bậc được duyệt	2.622.685.660
Chức vụ	45.703.200
PC làm đêm, thêm giờ	62.351.403
PC ưu đãi nghề, theo công việc	922.961.453
PC trách nhiệm	2.484.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo	319.135.105
Bảo hiểm xã hội	519.817.146
Bảo hiểm y tế	91.732.444
Kinh phí công đoàn	61.154.961
Bảo hiểm thất nghiệp	30.577.483
Các khoản đóng góp khác	15.288.740
Chi khác	79.200.000
Thanh toán tiền điện	68.050.125
Thanh toán tiền nước	77.664.990
Tiền khoán công tác phí	10.500.000
Thuê lao động trong nước	437.289.600
Các thiết bị công nghệ thông tin	10.960.000
Tiền chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	2.000.000
Chi phí khác	19.002.600

Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	469.826.854
Chi lập Quỹ phúc lợi	211.422.084
Chi lập Quỹ khen thưởng	23.491.343
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	78.304.476
Chế độ thu nhập tăng thêm (theo Nghị quyết 03) nguồn 14	3.112.989.793
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	456.045.786
Phụ cấp ưu đãi nghề	4.143.636
Chi phụ cấp đặc biệt của ngành	835.784.648
Hỗ trợ đối tượng chính sách	1.650.000
Các khoản hỗ trợ khác	13.440.000
Chi khác	707.630.000
Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM...	38.000.000
Cấp bù học phí	92.450.000
Thưởng thường xuyên	155.844.000

*** Chi nguồn sự nghiệp**

Nội dung	Năm học 2024-2025
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho giáo viên	3.078.887.282
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	199.681.021
Chi phí hao mòn TSCĐ	23.190.647

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Nội dung	Mức thu Năm học 2024-2025
Học phí/tháng	Nhà trẻ: 120.000đ/tháng Mẫu giáo: 100.000đ/tháng Học sinh lớp lá được miễn học phí
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng	Nhà trẻ: 500.000đ/tháng Mẫu giáo: 419.000đ/tháng

Tiền công trả nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND/tháng	125.000đ/tháng
Công phục vụ ăn sáng/tháng	132.000đ/tháng
Tiền dịch vụ khám sức khỏe ban đầu/năm	23.000/năm
Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp được trang bị sẵn máy lạnh/tháng	50.000đ/tháng
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ/tháng	80.000đ/tháng
Vẽ/tháng	65.000đ/tháng
Thẻ dự nhp điệu/tháng	65.000đ/tháng
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng	120.000đ/tháng
Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”	1.530.000đ/tháng
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/năm	260.000/năm
Học phẩm/năm	50.000đ/năm
Học cụ - Học liệu/năm	Nhà trẻ: 160.00đ/năm Mẫu giáo: 200.000đ/năm
Tiền ăn trưa/ngày	Nhà trẻ: 32.000đ/ngày Mẫu giáo: 36.000đ/ngày
Tiền ăn sáng/ngày	12.000đ/ngày
Tiền nước uống/tháng	17.000đ/tháng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Nội dung	Năm học 2024-2025	
	Số học sinh	Số tiền
Miễn giảm học phí học sinh thuộc diện	6	1.600.000

hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật		
Miễn giảm học phí học sinh thuộc diện dân tộc Chăm-Khome	1	500.000
Hỗ trợ ăn trưa	15	11.040.000
Chi phí học tập	4	2.400.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù:

Nội dung	Năm học 2024-2025
Quỹ phát triển sự nghiệp	96.954.193
Quỹ bổ sung thu nhập	0
Quỹ khen thưởng	59.260.148
Quỹ phúc lợi	69.760.881
CCTL	213.643.322

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Thực hiện công khai theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	58						
I	Giáo viên	32	0					
1	Nhà trẻ	6	0	0	5	1	0	0

2	Mẫu giáo	26						0
II	Cán bộ quản lý	3						
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0
III	Nhân viên	23	0	0	2	3	1	17
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0
5	Nhân viên cấp dưỡng	6	0	0	0	0	1	5
6	NV phục vụ	2	0	0	0	0	0	2
7	Bảo vệ	3	0	0	0	1	0	2
8	Nhân viên nuôi dưỡng	9	0	0	0	1	0	8

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý	3	3
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	32	32
	Số lượng	32	32
	Tỷ lệ	100%	100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý	3	3
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	32	32

	Số lượng	32	32
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên	23	23
	Số lượng	22	22
	Tỷ lệ	95.65%	95.65%

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Địa điểm: Ấp 4, KDC Phong Phú 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh. Trường đặt tại khu dân cư, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường, thuận lợi cho trẻ em đến trường.

- Trường có tường rào bao quanh, có cổng, bảng tên trường được ghi đúng qui định.

- Tổng diện tích chung của trường là: 5.027,5 m². Bình quân tối thiểu 9 m²/1trẻ. Diện tích sân chơi là 1.513,85 m², nhà trường tận dụng sảnh, hành lan lớp để tăng cường khoảng trống chơi cho trẻ.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Nhà trường có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ với diện tích 87,15m²/lớp đạt 2,7m²/trẻ có đủ ánh sáng, thoáng mát, được trang bị đồ dùng, bàn ghế, đồ chơi và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Phòng hoạt động âm nhạc: diện tích 72,25m², có gương xung quanh tường, tivi, đầu máy, đàn, tủ đựng dụng cụ âm nhạc, trang phục múa.

- Phòng hoạt động giáo dục thể chất: diện tích 72,25 m², có đầy đủ các trang thiết bị dạy thể chất cho trẻ.

- Phòng tin học: diện tích 40,63 m², có đầy đủ các trang thiết bị tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi kidsmart cho trẻ.

- Phòng truyền thống: diện tích 18,0625 m², phục vụ hội họp, trưng bày hình ảnh hoạt động của trường, các bằng khen, giấy khen của trường được các cấp công nhận.

- Phòng y tế: diện tích 20 m², có đầy đủ các thiết bị về y tế như: tủ thuốc, cân đo sức khỏe, giường y tế, tủ thuốc sơ cấp cứu, bàn làm việc. Phân công Phó hiệu trưởng bán trú làm công tác kiêm nhiệm, chăm lo sức khỏe trẻ.

- Phòng Hội trường: Diện tích 59,5 m², có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho các buổi hội họp và hội nghị của nhà trường.

- Phòng kế toán - văn thư: diện tích 12 m², trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc, thông tin liên lạc và tiếp khách.

- Phòng hiệu trưởng diện tích 40.152 m², trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc, thông tin liên lạc và tiếp khách.

- Phòng phó hiệu trưởng diện tích 18 m², trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc, thông tin liên lạc và tiếp khách.

- Phòng phó hiệu trưởng diện tích 18 m², trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc, thông tin liên lạc và tiếp khách.

- Phòng nghỉ nhân viên diện tích 9,975 m², trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho nhân viên.

- Nhà bếp: diện tích 140,675 m², trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ ăn uống cho trẻ.

- Sân vườn: diện tích 1.523,4 m² có cây xanh, hoa, kiểng tạo mảng xanh xung quanh sân trường.

- Có nguồn nước trạm, đảm bảo đầy đủ nước sạch để phục vụ trẻ. Hệ thống thoát nước nhanh, sạch sẽ.

- Yêu cầu về thiết kế và xây dựng

- + Trường được xây dựng theo mẫu thiết kế do Bộ giáo dục và đào tạo qui định.

- + Trường được xây dựng kiên cố

- + Trường bảo đảm ấm về mùa đông, thoáng về mùa hè

- + Có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng

- + Nền nhà lát gạch men sạch, mát.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

- Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: lắp ráp, cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện. Đồ dùng đồ chơi giáo viên tự làm sáng tạo đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi

- Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non phù hợp; khuyến khích giáo viên tăng cường các trang thiết bị dạy học và đồ chơi tự làm bằng nguyên vật liệu mở nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác:

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 Thông tư ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non. Sân vườn luôn sạch sẽ, có bố trí đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: đồ chơi liên hoàn gồm

leo, trượt, đu, đi thăng bằng, thang leo, leo núi, bóng rổ, bập bênh nhún, cầu trượt, đồ chơi con sâu; khu chơi cát

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

- Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Hướng Dương 2 tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận:

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 972-4/QĐ-SGD ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Sở giáo dục và Đào tạo).

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2024-2025:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 314/KH-MNHD2 ngày 08/8/2024)

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo:

IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non:

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo kế hoạch số 184/KH-MNHD2 ngày 17 tháng 5 năm 2023, có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh. Có tổ chức công khai trên trang web và công khai tại bản tin của nhà trường.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Triển khai việc áp dụng chương trình giáo dục mầm non dựa vào Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 28/016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Thường xuyên bồi dưỡng, chỉnh sửa cho giáo viên về cách lập kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi, áp dụng bộ chuẩn 5 tuổi vào xây dựng kế hoạch giáo dục dành cho trẻ lớp Lá.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội:

Nhà trường thực hiện Quy chế phối hợp với UBND xã trong công tác giáo dục (Quy chế phối hợp số 389/QCPH-MNHD2-UBND ngày 17/9/2024);

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em:

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định. Xây dựng thực đơn hàng ngày trên phần mềm, đạt khẩu phần theo quy định gồm 2 bữa chính và 1 bữa phụ cho trẻ bán trú, khẩu phần cả ngày cho trẻ luôn đạt 50% - 51% cho trẻ mẫu giáo và 62% - 63% cho trẻ nhà trẻ.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	16	16
2	Tổng số trẻ	562	516
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	35.1	32.25
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	0	0
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	562	516
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	562	516
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	201	199
8	Số trẻ khuyết tật	01	02

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2024-2025 nhà trường có 03 giáo viên đang học nâng chuẩn đại học.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025.

- Nhà trường tích cực tham mưu với cấp ủy xã vận động học sinh 5 tuổi trên địa bàn ra lớp và tham gia học bán trú đạt 100%.

- Đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa tại trường, trong năm học đã vận động phụ huynh hỗ trợ cây xanh, đồ dùng, đồ chơi cho các hoạt lễ hội của trẻ với tổng kinh phí hỗ trợ 87.050.000đ.

- Đã xây dựng Đề án số 131/ĐA-MNHD2 ngày 10 tháng 4 năm 2024 về Đề án thực hiện trường tiên tiến, hội nhập quốc tế theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đã xây dựng kế hoạch số 134/KH-MNHD2 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Trường MN Hướng Dương 2 về thực hiện trường tiên tiến, hội nhập quốc tế giai đoạn 2024-2027.

- Nhà trường đã được UBND huyện Bình Chánh ra Quyết định số 12899/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Trường MN Hướng Dương 2 thực hiện Đề án thực hiện chương trình trường chất lượng cao "Trường tiên tiến hội nhập quốc tế" từ năm học 2023-2024.

- Đã tăng cường kiểm tra cơ sở vật chất và chất lượng chuyên môn của đội ngũ, đã có báo cáo tham mưu các cấp lãnh đạo bổ sung CSVC, trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu của trường tiên tiến, hội nhập quốc tế.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

- Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch số 418/KH-MNHD2 ngày 30 tháng 9 năm 2024 Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm 2024-2025.

- Công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường hình ảnh các hoạt động như: tuyển sinh, đoàn thể, bài viết tuyên truyền, tin tức sự kiện...

- Tiếp tục phát huy, đẩy mạnh phong trào thiết kế các video hướng dẫn nhằm phục vụ hoạt động giáo dục trẻ bằng các phần mềm, ứng dụng như: PowerPoint; Canva, Capcut, Viva video, Mind Meneger một cách hiệu quả.

- Thực hiện tốt việc cập nhật kho dữ liệu bài giảng trực tuyến chung của nhà trường.

- Nhà trường ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý Chương trình GDMN của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý như: Imas (Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp), Nutifood (Cân đo trẻ), Epmis (Cập nhật thông tin nhân sự), phần mềm quản lý sáng kiến, phần mềm tính khẩu phần bán trú, phần mềm kiểm định chất lượng, TEMIS (phần mềm đánh giá Chuẩn nghề

ngiệp)... Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục và mạng nội bộ.

- 96,5% CB-GV sử dụng và áp dụng việc thiết kế các bài giảng bằng các phần mềm tốt trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa gia đình - nhà trường và cộng đồng, tuyên truyền để cha mẹ trẻ tham gia tích cực các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với tình hình dịch bệnh như: Covid 19, Marburg, sốt xuất huyết...

- Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục mầm non:

- + Cổng thông tin điện tử nhà trường

- + Phần mềm cơ sở dữ liệu

- + Phần mềm cán bộ công chức

- + Phần mềm 36a

- + Phần mềm Bảo Công nghệ

- + Phần mềm Imax, Emax...

- + Phần mềm quản lý văn bản đi đến:

- + Hệ thống quản trị nội dung trang thông tin điện tử:

<https://mnhuongduong2.hcm.edu.vn/>

- + Chữ ký số.

- + Cập nhật mã định danh cho trẻ.

- Xây dựng kho tài liệu học liệu trực tuyến dùng chung: Nhà trường triển khai kho học liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM qua liên kết <https://pgdmamnon.hcm.edu.vn> đến tất cả giáo viên tại đơn vị. Nhà trường đã xây dựng kho học liệu tại đơn vị gửi đến phụ huynh nhằm tăng cường công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường

5. Công tác truyền thông

- Nhà trường đã tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin qua bài viết, tranh ảnh về dinh dưỡng sức khỏe, về chuyên môn, cập nhật các thông tin thiết thực đến phụ huynh cụ thể ở trang web, bản tin trường, bản tin ở lớp đúng theo chủ đề, kế hoạch trong tuần, tháng nhằm phát huy tinh thần cộng đồng trách nhiệm giữa gia đình và nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về hoạt động giáo dục trẻ của nhà trường đối với các bậc phụ huynh và cộng đồng để được hưởng ứng, đồng thuận, hợp tác, giúp đỡ cùng chăm lo cho các cháu. Đầu tư điều kiện vật chất, tạo điều kiện cho trẻ học mà chơi, chơi mà học. Tuyên truyền với phụ huynh về việc phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về quyền trẻ em, luật bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em cũng như vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và toàn xã hội qua bản tin của trường, lớp, cổng thông tin của đơn vị qua các kênh liên lạc khác nhau: trực tiếp hay gián tiếp như trao đổi với phụ huynh qua giờ đón trả trẻ hoặc qua zalo nhóm lớp, bản tin của trường lớp và qua cổng thông tin của trường... Khai thác nguồn Internet, lựa chọn thông tin phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dạy con cho các bậc

cha mẹ, để phụ huynh và xã hội để phụ huynh phối hợp tốt cùng nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Nhà trường đã chọn lọc thông tin tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức nuôi dạy trẻ phù hợp với sự phát triển của trẻ trên bảng tin trường, lớp, trang web và thông qua các buổi dự giờ học của trẻ, giờ chăm sóc.

Bình Chánh, ngày 19 tháng 6 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đương Thị Uyên Thi